

Số: 139 /HD-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2024

HƯỚNG DẪN Về quy hoạch lãnh đạo, quản lý năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 387-KH/ĐUĐHKTCN ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Đảng ủy Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về thực hiện công tác quy hoạch lãnh đạo, quản lý năm 2024, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ hướng dẫn thực hiện công tác quy hoạch lãnh đạo, quản lý năm 2024 như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;

Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về công tác cán bộ;

Quy định số 1300-QĐ/TU ngày 09/01/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ;

Quy định số 868-QĐ/ĐUK ngày 30/01/2024 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối về công tác quy hoạch.

II. NGUYÊN TẮC

1. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng ủy và Tập thể lãnh đạo trong công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch và đúng quy trình.

2. Tập thể lãnh đạo trường có thẩm quyền rà soát, quy hoạch các chức danh cấp khoa, phòng, trung tâm và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Quy hoạch cấp ủy phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên.

4. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ đang đảm nhiệm; coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn.

5. Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 cán bộ. Một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

6. Quy hoạch cán bộ phải đảm bảo phương châm "mở" và "động":



- Quy hoạch "mở" được hiểu là không khép kín trong từng đơn vị nhất định mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ các đơn vị khác trong Trường để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ.

- Quy hoạch "động" là định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển.

7. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch: Cán bộ đã được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch; cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc đang thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc đã từ trần.

8. Hiệu trưởng ký quyết định phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền và báo cáo Sở Nội vụ theo quy định. Sau khi phê duyệt bổ sung quy hoạch, Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ được quy hoạch nhằm đáp ứng tiêu chuẩn, trình độ chức danh theo quy định.

9. Công khai quy hoạch: Danh sách cán bộ được phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong Đảng ủy, Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

III. CHỨC DANH VÀ ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH

| Chức danh | Đối tượng quy hoạch |
|---|--|
| - Trưởng các đơn vị khoa/phòng/trung tâm. | - <i>Đối tượng 1</i> : Phó Trưởng các khoa/phòng/trung tâm. - <i>Đối tượng 2</i> : Phó Trưởng các khoa/phòng/trung tâm khác. |
| - Phó Trưởng khoa. | - <i>Đối tượng 1</i> : Trưởng bộ môn; Phó Trưởng đơn vị của các khoa/phòng/trung tâm khác; - <i>Đối tượng 2</i> : Phó Trưởng bộ môn; viên chức có trình độ thạc sĩ trở lên, có khả năng lãnh đạo, có triển vọng phát triển. |
| - Phó Trưởng phòng/trung tâm. | - <i>Đối tượng 1</i> : Trưởng bộ môn; Phó Trưởng đơn vị của các khoa/phòng/trung tâm khác; - <i>Đối tượng 2</i> : Phó Trưởng bộ môn; viên chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có khả năng lãnh đạo, có triển vọng phát triển. |
| - Trưởng bộ môn. | - <i>Đối tượng 1</i> : Phó trưởng bộ môn có trình độ tiến sĩ. |

| | |
|----------------------|---|
| | - <i>Đối tượng 2</i> : Viên chức là tiến sĩ, có khả năng lãnh đạo, có triển vọng phát triển. |
| - Phó Trưởng bộ môn. | - <i>Đối tượng 1</i> : Viên chức là tiến sĩ, có khả năng lãnh đạo, có triển vọng phát triển. |
| | - <i>Đối tượng 2</i> : Viên chức có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, có khả năng lãnh đạo, có triển vọng phát triển. |

* **Lưu ý**: Các đồng chí thuộc *Đối tượng 2* phải được quy hoạch chức danh ở *Đối tượng 1*.

IV. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, ĐỘ TUỔI, CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện: Tại thời điểm quy hoạch, Tập thể lãnh đạo trường giới thiệu hoặc xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, ứng cử theo quy định và có thể xem xét, phê duyệt các trường hợp như sau:

- Chưa nhất thiết đáp ứng ngay các tiêu chuẩn như: Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước...

- Đối với đối tượng 2 có thể chưa đảm bảo tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

2. Về độ tuổi (Phụ lục 1D - Quy định 1300)

Khi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 01 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng).

3. Về số lượng: Mỗi chức danh quy hoạch không quá 03 cán bộ. Một cán bộ quy hoạch không quá 03 chức danh ở cùng cấp phê duyệt.

4. Về cơ cấu: Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi, khoảng cách giữa các độ tuổi là 05 năm; cán bộ dưới 40 tuổi từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên và phải có cán bộ nữ trong quy hoạch lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị trực thuộc.

V. QUY TRÌNH

1. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến (bằng phiếu kín) phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch bằng phiếu kín.

+ Thành phần: Ban Thường vụ, Ban Giám hiệu, Chủ tịch Công Đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn trường và Trưởng các khoa/phòng/trung tâm.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 2).

Trên cơ sở kết quả kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 2 và Bước 3; đồng thời, căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định và tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Trường, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự của Trường

Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2024.

Các khoa/phòng/trung tâm chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch (Mẫu 1, 2, 3).

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của phòng Tổ chức - Hành chính, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua:

+ Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Trường.

+ Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến (bằng phiếu kín) phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch.

+ Thành phần tham dự gồm: Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Giám hiệu; Chủ tịch Công đoàn cơ sở; Bí thư Đoàn trường; Bí thư và Phó Bí thư các chi bộ; Trưởng và Phó trưởng các khoa/phòng/trung tâm.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng lấy ý kiến

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch bằng phiếu kín.

+ Thành phần: Ban Thường vụ, Ban Giám hiệu, Chủ tịch Công Đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn trường và Trưởng các khoa/phòng/trung tâm.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị (lần 2).

Trên cơ sở kết quả kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 3 và Bước 4 đồng thời căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định và tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Trường, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Kết quả biểu quyết giới thiệu được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

VI. HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH (Phụ lục 3 - Quy định 1300)

Trên đây là hướng dẫn thực hiện công tác quy hoạch cán bộ năm 2024 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy;
- TT. HDT;
- BGH;
- CD, ĐTN;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, TC.



Huỳnh Thanh Nhã



Tên đơn vị

Số:



....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

V/v rà soát, đề xuất xin chủ trương bổ sung quy hoạch giai đoạn 2020-2025
và giới thiệu quy hoạch giai đoạn 2025-2030

I. Rà soát quy hoạch

- Tình hình về chung của đơn vị (cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng viên chức, số lượng viên chức quản lý...).
- Số lượng cán bộ quy hoạch hiện tại.
- Rà soát quy hoạch:
 - + Đánh giá về lực lượng cán bộ quy hoạch hiện tại.
 - + Các trường hợp đề nghị tiếp tục duy trì quy hoạch; lý do tiếp tục duy trì.
 - + Các trường hợp đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch (thống kê rõ tên cán bộ), nêu rõ lý do đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

II. Đề xuất danh sách bổ sung quy hoạch (nếu có)

- Số lượng cán bộ quy hoạch đề nghị bổ sung thêm:
- Danh sách cán bộ dự kiến bổ sung quy hoạch:

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Chức vụ hiện tại | Đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh xin chủ trương bổ sung quy hoạch | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------------------|----|------------------|-----------------|---------------------|--|---------|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

III. Phương án đào tạo, bồi dưỡng viên chức được quy hoạch giai đoạn 2020-2025

IV. Giới thiệu quy hoạch giai đoạn 2025-2030

- Số lượng:.....
- Danh sách cán bộ giới thiệu quy hoạch:

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Chức vụ hiện tại | Đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh giới thiệu quy hoạch | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------------------|----|------------------|-----------------|---------------------|--------------------------------|---------|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

Kính trình Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu xem xét, quyết định./.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nơi nhận:

- Đảng ủy;
- HĐT;
- BGH;
- Lưu: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

Vào hồi ... ngày ... tháng ... năm, tại đã tổ chức lấy phiếu giới thiệu quy hoạch chức danh

I. Thành phần tổ kiểm phiếu

1. Tổ trưởng.
2. Tổ viên.
3. Tổ viên.

II. Tình hình phát, thu hồi phiếu

1. Số phiếu phát ra:
2. Số phiếu thu về:
3. Số phiếu hợp lệ:
4. Số phiếu không hợp lệ:

III. Kết quả giới thiệu

| STT | Họ và tên | Chức vụ, đơn vị công tác hiện tại | Chức danh QH | Kết quả giới thiệu | |
|-----|-----------|---|-----------------|--------------------|-----------|
| | | | | Số phiếu | Tỷ lệ (%) |
| 1 | ... | | | | |
| 2 | ... | | | | |
| 3 | ... | | | | |

THƯ KÝ

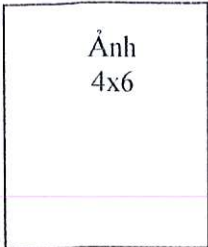
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

(ký, ghi rõ họ tên)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

.....
Số hiệu cán bộ, công chức



1) Họ và tên khai sinh.....Nam, Nữ
(Viết chữ in hoa đậm nét)

2) Các tên gọi khác:

3) Cấp uỷ hiện tại:; Cấp uỷ kiêm:

Chức vụ (Đảng, Đoàn thể, Chính quyền, kể cả chức vụ kiêm nhiệm):

.....Phụ cấp chức vụ:

4) Sinh ngày tháng năm5) Nơi sinh:

6) Quê quán (Xã, phường):....., (huyện, quận), (tỉnh, TP).....

7) Nơi ở hiện nay (Xã, huyện, tỉnh hoặc số nhà, đường phố, TP): Điện thoại:

8) Dân tộc (Kinh, Tày, Êđê...):; 9) Tôn giáo:

10) Thành phần gia đình xuất thân:
(Ghi là công nhân, nông dân, cán bộ, công chức, trí thức, quân nhân, dân nghèo thành thị, tiểu thương, tiểu chủ, tư sản....)

11) Nghề nghiệp bản thân trước khi được tuyển dụng:
(Ghi nghề được đào tạo hoặc công nhân (thợ gi), làm ruộng, buôn bán, học sinh)

12) Ngày được tuyển dụng:/...../..... Vào cơ quan nào:
.....Ở đâu:

13) Ngày vào cơ quan hiện đang công tác:/...../..... Ngày tham gia cách mạng:/...../.....

14) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../.....; Ngày chính thức...../...../.....

15) Ngày tham gia các tổ chức chính trị xã hội:
(Ngày vào Đoàn TNCSHCM, Công đoàn, Hội)

16) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../..... Quân hàm:.....

17) Trình độ học vấn: Giáo dục phổ thông:.....; Học hàm, học vị cao nhất:
(Lớp mấy) (GS, PGS, TS, Thạc sĩ, Cử nhân, Kỹ sư,...năm nào, chuyên ngành)

- Lý luận chính trị:; Quản lý nhà nước:.....; Ngoại ngữ:
(Cử nhân, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp) (Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính...) (Anh: A/B/C/D Nga A/B/C/D Pháp A/B/C/D)

18) Công tác chính đang làm:

19) Ngạch công chức/Chức danh nghề nghiệp:..... (mã số:.....), bậc lương, hệ số:..... từ tháng .../.....

20) Danh hiệu được phong (Năm nào):
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân, ưu tú)

21) Sở trường công tác:.....; Công việc đã làm lâu nhất:

22) Khen thưởng:
(Huân, huy chương, năm nào)

23) Kỷ luật: (Đang, Chính quyền, Đoàn thể, Cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức....)

24) Tình trạng sức khoẻ: Cao:, Cân nặng(kg), Nhóm máu:
(Tốt, bình thường, yếu hoặc có bệnh mãn tính gì)

28) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

a) Khai rõ: bị bắt, bị tù (Từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì?:

b) Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (Cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...):

29) QUAN HỆ VỚI NƯỚC NGOÀI

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (Làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu...?):

- Có thân nhân (Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) ở nước ngoài (làm gì, ở đâu):

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Bản thân: **Bố, mẹ, vợ (chồng), các con, anh chị em ruột**

| Quan hệ | Họ và tên | Năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức xã hội |
|-----------------|-----------|----------|--|
| Bố, mẹ | | | |
| | | | |
| | | | |
| Vợ / Chồng | | | |
| | | | |
| Các con | | | |
| | | | |
| | | | |
| Anh chị em ruột | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

b) Bố, mẹ, anh chị em ruột bên vợ (chồng)

| Quan hệ | Họ và tên | Năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức xã hội |
|-----------------|-----------|----------|--|
| Bố, mẹ | | | |
| | | | |
| Anh chị em ruột | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

31) HOÀN CẢNH KINH TẾ

- Quá trình lương của bản thân:

| | | | | | | | | |
|---------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Tháng/năm | | | | | | | | |
| Ngạch/bậc: | | | | | | | | |
| Hệ số lương : | | | | | | | | |

- Nguồn thu nhập chính của gia đình (hàng năm): - Lương:

- Các nguồn khác:

- Nhà ở: + Được cấp, được thuê, loại nhà:, tổng diện tích sử dụng: m²

+ Nhà tự mua, loại nhà:, tổng diện tích sử dụng: m²

- Đất ở: + Đất được cấp: m², + Đất tự mua: m²

- Đất sản xuất, kinh doanh: (Tổng diện tích đất được cấp, tự mua, tự khai phá...)

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

Xác nhận của cơ quan quản lý

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời khai đó

(Ký tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH

CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Họ và tên khai sinh:

Họ và tên thường gọi:.....

Quê quán: (ấp, xã, huyện, tỉnh):.....

Chức vụ, đơn vị:

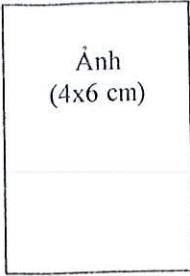
Số hiệu công chức:.....

Số:.....

Ban Tổ chức Trung ương ấn hành 1996

Mẫu 2a/TCTW

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH



Họ và tên khai sinh:

Tên thường gọi:

Các tên gọi khác:

Ngày sinh:

Nơi sinh: Xã, Huyện, Tỉnh

Quê quán: Xã, Huyện, Tỉnh

Nơi ở hiện nay:, Thành phố, Tỉnh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Thành phần gia đình xuất thân:

Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: Sinh viên

Trình độ học vấn:

- Văn hóa phổ thông: Lớp

- Chuyên môn, kỹ thuật:

- Lý luận chính trị: ; QLNN:

- Ngoại ngữ: ; Tin học:

Ngày tham gia cách mạng:, làm việc gì, trong tổ chức nào:

Ngày nhập ngũ: Ngày xuất ngũ: quân hàm:

Ngày được tuyển dụng:, cơ quan tuyển dụng:

Ngày vào Đảng cộng sản Việt Nam: Ngày chính thức:

Chức vụ hiện tại: Mã số:

Nghạch công chức, viên chức: Bạc lương: từ tháng năm 20.....

Danh hiệu được phong:

Tình hình sức khỏe: Bình thường Cao: cân nặng:

Sở trường công tác:

IV. GIA NHẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Ngày được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Tại chi bộ:

- Họ tên, chức vụ, đơn vị người giới thiệu thứ nhất:

Hiện nay làm gì, ở đâu:

- Họ tên, chức vụ, đơn vị người giới thiệu thứ hai:

Hiện nay làm gì, ở đâu:

- Ngày tuyên bố chính thức:

- Tại chi bộ:

- Ngày vào Đảng lần thứ 2 (nếu có)..... Tuổi Đảng được tính từ.....

- Lý do gián đoạn sinh hoạt Đảng:

.....

.....

- Họ tên, chức vụ những người giới thiệu lần thứ 2:

.....

.....

- Số thẻ đảng viên: Ngày cấp thẻ....., tại Đảng bộ

- Đã tham gia cấp ủy (từ chi ủy trở lên): ghi rõ là bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ, ủy viên Ban chấp hành nhiệm kỳ từ tháng năm nào đến tháng năm nào, ở đâu?

.....

.....

VII. KHEN THƯỞNG

| Tháng, năm | Nội dung và hình thức khen thưởng | Cấp quyết định |
|------------|-----------------------------------|----------------|
| | | |
| | | |

VIII. KỶ LUẬT

| Tháng, năm | Lý do và hình thức kỷ luật | Cấp quyết định |
|------------|----------------------------|----------------|
| | | |

X. HOÀN CẢNH KINH TẾ, QUAN HỆ GIA ĐÌNH

Về bản thân, vợ (chồng), các con

| | |
|---------------|--|
| Quan hệ | Nói rõ hoàn cảnh kinh tế của bản thân và gia đình (tài sản, nhà, đất, các nguồn thu nhập...) - Vợ (chồng): Họ tên, năm sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử, thái độ chính trị (đã giữ chức danh, chức vụ gì, ở cơ quan, đơn vị nào). - Con: họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, địa chỉ. |
| Bản thân | Họ tên: Năm sinh: Quê quán: ấp, xã, huyện, tỉnh? Nghề nghiệp hiện tại? Nói rõ hoàn cảnh kinh tế của bản thân và gia đình (tài sản, nhà, đất, các nguồn thu nhập...) Hiện thường trú tại ấp, xã, huyện, tỉnh? |
| Vợ / Chồng | |
| Con | |
| Con | |
| | |
| | |

IX. HOÀN CẢNH KINH TẾ, QUAN HỆ GIA ĐÌNH (tiếp theo)

Về bản thân, vợ (chồng), các con

| | |
|---------|--|
| Quan hệ | <p>Nói rõ hoàn cảnh kinh tế của bản thân và gia đình (tài sản, nhà, đất, các nguồn thu nhập...).</p> <ul style="list-style-type: none">- Vợ (chồng): Họ tên, năm sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử, thái độ chính trị (đã giữ chức danh, chức vụ gì, ở cơ quan, đơn vị nào).- Con: họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, địa chỉ. |
| | |

IX. QUAN HỆ GIA ĐÌNH THÂN TỘC
Ông bà (nội,ngoại), Cha, Mẹ, Anh chị em ruột

| | |
|--|---|
| Quan hệ | Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, công tác, đặc điểm lịch sử (bị bắt, bị tù, làm việc trong chế độ cũ, nguy quân, nguy quyền); hiện đang làm gì, nơi cư trú (ghi rõ chức danh, chức vụ, tên và địa chỉ cơ quan, xí nghiệp, công ty trong hoặc ngoài nước). Hoàn cảnh kinh tế của từng người. |
| CÁCH GHI THÔNG TIN | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: - Năm sinh: - Quê quán: (ghi rõ ấp (số nhà, thôn, xóm, đường), xã, huyện, tỉnh) *Nếu năm sinh < 1958 thì: <ul style="list-style-type: none"> ❖ Trước 1975 (nếu là bộ đội, lính nguy, cảnh sát, quân đội.....) <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia cách mạng từ năm -> năm? - Ghi rõ cấp bậc, chức vụ, đơn vị.....? ✓ Ghi chú: Nếu tham gia lính nguy: <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian học tập cải tạo: từ năm -> năm? (mấy tháng?) • Tại đâu? • Bổ sung các giấy tờ (chứng nhận) có liên quan nếu có. - Nếu đi ra nước ngoài <ul style="list-style-type: none"> • Đi năm nào? • Đi theo diện? (VD: <u>Vượt biên</u>, bảo lãnh, HO, chồng (vợ) bảo lãnh...) • Địa chỉ? (nếu có) • Nghề nghiệp? - Nếu trong kháng chiến được Nhà nước phong tặng danh hiệu. (<i>đính kèm bằng photo danh hiệu</i>) ❖ Sau 1975 <ul style="list-style-type: none"> - Hiện nay đang làm gì? (ghi rõ chức danh, chức vụ, tên và địa chỉ cơ quan, xí nghiệp, công ty ở trong hoặc ngoài nước) ✓ Ghi chú: Nếu công tác các ngành: Công an, Cảnh sát, quân đội..... + Ghi rõ: cấp bậc, chức vụ, đơn vị.....? - Nơi cư trú? (ghi rõ ấp (số nhà, thôn, xóm, đường), xã, huyện, tỉnh) *Nếu năm sinh > 1958 thì: <ul style="list-style-type: none"> + Nghề nghiệp hiện tại? + Hiện thường trú (ghi rõ ấp (số nhà, thôn, xóm, đường), xã, huyện, tỉnh) - Nếu đi ra nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> • Đi năm nào? • Đi theo diện? (Chồng (vợ) bảo lãnh.....) • Địa chỉ? (nếu có) • Nghề nghiệp? - Nếu chết: Năm nào? Lý do chết? <u>tại</u> ấp, xã, huyện, tỉnh? <p align="center"><i>Ghi chú: Khai lý lịch chính xác, rõ ràng, trung thực, đúng quy định.</i></p> | |
| Ông nội | |
| Bà nội | |
| Ông ngoại | |
| Bà ngoại | |

XI. TỰ NHẬN XÉT

(Về phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách làm việc, ý thức kỷ luật. Kiến thức và năng lực nghiên cứu, đề xuất, năng lực tổ chức thực hiện. Khả năng đoàn kết, quy tụ cán bộ...)

Người khai

Tôi xin cam đoan về những lời khai trong
quyển lý lịch này là đúng sự thật và chịu trách
nhiệm về những lời khai đó.

....., ngày tháng năm

Ký tên
(Ghi rõ họ tên)

Bản lý lịch này do đồng chí

.....

Tự khai tại:

.....

Cơ quan xác nhận là đúng.

....., ngày ... tháng ... năm

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(ký tên và đóng dấu)



**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ⁽¹⁾**
(Ngày.....thángnăm.....)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....
 - Chức vụ/chức danh công tác:.....
 - Cơ quan/đơn vị công tác:.....
 - Nơi thường trú:.....
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾ :.....
ngày cấp..... nơi cấp.....
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
 - Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:.....
 - Nghề nghiệp:.....
 - Nơi làm việc⁽⁴⁾:.....
 - Nơi thường trú:.....
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp.....
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)
 - 3.1. Con thứ nhất:
 - Họ và tên:.....Ngày tháng năm sinh:.....
 - Nơi thường trú:.....
 - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....
ngày cấp.....nơi cấp.....
 - 3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:
 - 1.1. Đất ở⁽⁷⁾:
 - 1.1.1. Thừa thứ nhất:
 - Địa chỉ⁽⁸⁾:
 - Diện tích⁽⁹⁾:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng ⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có) ⁽¹²⁾:
- 1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.
- 1.2. Các loại đất khác ⁽¹³⁾:
 - 1.2.1. Thửa thứ nhất:
 - Loại đất:.....Địa chỉ:.....
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
 - 2.1. Nhà ở:
 - 2.1.1. Nhà thứ nhất:
 - Địa chỉ:.....
 - Loại nhà ⁽¹⁴⁾:
 - Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
 - 2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:
 - 2.2.1. Công trình thứ nhất:
 - Tên công trình:Địa chỉ:.....
 - Loại công trình:Cấp công trình:
 - Diện tích:
 - Giá trị ⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
 - 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:
 - 3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Loại cây:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Loại rừng:.....Diện tích:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....
- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị ⁽¹⁰⁾:.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....
- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....
- Tên trái phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị:.....

6.3. Vốn góp ⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác ⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) ⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....
- Tên tài sản:.....Số đăng ký:.....Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) ⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài ⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài ⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:.....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):.....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:.....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾:

| Loại tài sản, thu nhập | Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾ | | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|---|--|---------------------------|--|
| | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập | |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị | | | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾.</p> | | | |
|--|--|--|--|

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

I. GHI CHÚ CHUNG

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

II. THÔNG TIN CHUNG

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất (m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(15) Ghi tổng diện tích (m^2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

(16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

(18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(26) kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27) kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

(28) kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

IV. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

(29) kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động” ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

| Loại tài sản, thu nhập | Tăng/giảm | | Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|--|----------------------|---------------------------|--|
| | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập | |
| 1. Quyền sử dụng đất 1.1. Đất ở - Bán thửa đất B | - 100m ² | 500 triệu | Giảm do bán |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C | + 100 m ² | 3.500 triệu | Mua nhà từ tiền bán thửa đất B |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất | | | |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. | | | |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D | + 01 Sổ tiết kiệm | 500 triệu | Tiết kiệm từ thu nhập |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên | | | |



| | | | |
|---|------|---------------|--|
| <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký</p> <p>- Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55</p> | + 01 | 1.000 triệu | Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm |
| 8. Tài sản ở nước ngoài | | | |
| 9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. | | + 5.600 triệu | <ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thừa đất B được 4.000 triệu |